

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2018

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Lầu

2. Bà Lý Thị Sầm

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên (*vắng mặt*).

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trương Thị Minh C, sinh năm 1992 (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Ông Hua H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Canada (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 13-11-2017 của nguyên đơn bà Trương Thị Minh C trình bày như sau:

Vào năm 2012, do người cậu giới thiệu bà với ông Hua H. Sau một năm tìm hiểu, đến ngày 02-7-2013 hai người tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02-7-2013, vào sổ đăng ký kết hôn số 124, quyển số 01/2013 ngày 05-9-2013 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn thì ông Hua H ở Việt Nam một thời gian ngắn thì trở về Canada. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân của hai người cũng hạnh phúc, hai người tuy xa nhau cũng thường xuyên quan tâm liên lạc với nhau, hai người kết hôn đã được 05 năm nhưng chưa có con. Trong khi ông Hua H cũng không đủ điều kiện để làm thủ tục bảo lãnh cho bà sang Canada để đoàn tụ gia

đình, chính vì cuộc sống hôn nhân xa nhau kéo dài dẫn đến sau những ngày tháng sống hạnh phúc ngắn ngủi thì giữa bà và ông Hua H thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, không được ở gần nhau, ở xa không liên lạc quan tâm gì đến bà. Từ đó đến nay mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai không còn quan tâm và không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa, hiện nay bà sống ở Việt Nam, còn ông Hua H sống tại Canada, hai người cũng không có điều kiện để đoàn tụ gia đình. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc giữa bà và ông Hua H là không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nếu kéo dài chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý và khổ cho cả hai, vì giữa hai người đã không còn tình cảm với nhau. Ông Hua H cũng đồng ý ly hôn với bà và giữa hai bên không có tranh chấp về tài sản hay nợ chung.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hua H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bà cũng không yêu cầu ông Hua H phải trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn.

* Tại đơn yêu cầu giải quyết xin ly hôn và giải quyết vắng mặt đề ngày 13-11-2017 của bị đơn ông Hua H trình bày như sau:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Minh C về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không được ở gần nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có điều kiện đoàn tụ gia đình, Từ đó, ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Trong quá trình ông về Việt Nam thăm quê hương và người thân, ông được biết bà C nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông nên ông làm đơn này để trình bày ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân ông yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ông và bà Trương Thị Minh C ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do thời gian ở lại Việt Nam không được lâu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các buổi hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi làm việc của Tòa án cũng như các phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Ông cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do vụ án chỉ có tranh chấp về ly hôn, các bên đương sự đều có trình bày ý kiến của mình bằng văn bản, do đó Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc các quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Minh C và bị đơn ông Hua H mặt vắng nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh C và ông Hua H đều trình bày thống nhất về việc hôn nhân của bà C, ông Hua H đã qua tìm hiểu nhau và tự nguyện đi đến quyết định kết hôn nên sau đó đã xin đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn đề ngày 02-7-2013, đồng thời ông bà đã tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Hua H là sự thật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà C và ông Hua H cũng thừa nhận khi tổ chức hôn lễ xong thì ông Hung ở lại Việt Nam một thời gian ngắn và sau đó ông Hua H trở về Canada sinh sống, tuy thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà C và ông Hua H không gặp nhau một thời gian dài, vì vậy không thể quan tâm, chăm sóc cho nhau như vợ chồng từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không liên lạc với nhau thường xuyên. Những sự việc trên cũng phù hợp với nội dung trong các biên bản xác minh ngày 05/12/2017 của Tòa án về việc xác minh mối quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Hua H tại địa phương của bà C. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình mới đảm bảo được sự bền vững trong hôn nhân. Trong trường hợp này giữa bà C và ông Hua H sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì ông Hua H đã về Canada sinh sống, còn bà C thì ở lại Việt Nam từ đó đã xuất hiện khoảng cách giữa vợ chồng, mặt khác do sống xa nhau nhưng giữa hai ông bà lại không thường xuyên liên lạc, quan tâm, chia sẻ cho nhau trong cuộc sống thì càng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa ông bà trở nên phai nhạt dần. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông Hua H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C và ông Hua H được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống giữa bà C và ông Hua H không có con chung, không có tài sản và nợ chung nào. Trong quá trình giải quyết bà C và ông Hua H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con và tài sản chung, nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về con và tài sản chung, nợ chung giữa bà C và ông Hua H trong vụ kiện này.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Hua H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Minh C và ông Hua H.
2. Về con chung: Không có con chung.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà C và bị đơn Hua H đều không có yêu cầu về giải quyết các quan hệ về tài sản chung, nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai số 0000462 ngày 16-11-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà C đã nộp xong án phí.

Ông Hua H không phải chịu án phí.

Bà C và ông Hua H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (Hồ sơ VA, Tòa DS).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khánh Hùng